

Số: 15 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
<b>CV ĐẾN</b>	Số:.....671.....
	Ngày: 02/02/15
	Chuyên:.....

**Tổng kết công tác dân tộc năm 2014 và nhiệm vụ,  
giải pháp chủ yếu năm 2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Công văn số 1249/UBND-TH ngày 13/12/2014 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo tổng kết công tác dân tộc năm 2014, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tổng kết thực tiễn tại địa phương như sau:

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG NĂM 2014**

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Trong năm 2014, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tương đối ổn định, an sinh xã hội được tiếp tục quan tâm, sản xuất và sinh hoạt của đồng bào dân tộc thiểu số được duy trì.

Tuy vậy, vẫn có một số xã vùng đồng bào DTTS bị ảnh hưởng bởi tình hình thời tiết không thuận lợi trong các tháng đầu năm. Cụ thể là trong tháng 4, trên địa bàn các xã Sơn Cao, Sơn Linh và Sơn Giang thuộc huyện miền núi Sơn Hà đã xảy ra lốc xoáy kèm theo mưa đá làm nhiều trường học, nhà ở nhân dân bị tốc mái, hư hỏng; cây cối, hoa màu bị thiệt hại nặng nề làm ảnh hưởng đến đời sống của người dân ở khu vực này. Trong tháng 5 và tháng 6, trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh xảy ra tình trạng nắng nóng kéo dài, gây thiếu nước cho sản xuất và cho sinh hoạt ở nhiều địa phương như huyện Ba Tơ, Minh Long, Tây Trà. Tình hình dịch bệnh ở gia cầm đã xảy ra ở một số địa bàn, tuy nhiên chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn đã kịp thời khoanh vùng, xử lý.

Về bệnh viêm da dày sừng bàn tay bàn chân: có 01 trường hợp tái phát ở xã Ba Điền, 02 trường hợp mắc mới ở xã Ba Nam và xã Ba Tô của huyện Ba Tơ. UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND huyện Ba Tơ và các cơ quan chức năng của tỉnh tập trung theo dõi tình hình diễn biến bệnh tại các xã, thị trấn thuộc huyện Ba Tơ; đồng thời tổ chức triển khai các biện pháp can thiệp tại cộng đồng, như tổ chức khám sàng lọc, giám sát, tuyên truyền, vận động nhân dân không ăn gạo mốc, gạo ủ, vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn uống, hướng dẫn bảo quản lương thực sau thu hoạch...

Tình hình an ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian qua ổn định, các địa phương đã tăng cường nắm chắc tình hình, quản lý chặt chẽ an ninh ở từng địa bàn, không để xảy ra tình trạng gây rối trật tự công cộng. Không có hiện tượng khiếu kiện đông người nào xảy ra. Tuy nhiên, tình trạng nghi kỵ cầm đồ thuốc độc còn xảy ra ở một vài nơi trong đồng bào dân tộc thiểu số; tình trạng khai thác, vận chuyển

lâm sản, khai thác vật liệu xây dựng trái phép vẫn còn xảy ra (UBND tỉnh cũng đã có văn bản chỉ đạo các cơ quan liên quan khắc phục).

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**

### **1. Các chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc quản lý, chỉ đạo**

#### **a) Chương trình 135**

Tổng kế hoạch vốn giao để thực hiện Chương trình trong năm 2014 tại Quyết định số 482/QĐ-UBND với tổng vốn là 70.350 triệu đồng. Cụ thể như sau:

##### *a1) Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng.*

- Về kế hoạch giao: vốn để thực hiện dự án này trong năm 2014 là 53.000 triệu đồng để đầu tư thực hiện 112 công trình. Trong đó: Trả nợ khối lượng hoàn thành của kế hoạch năm 2013 là 04 công trình (bao gồm 03 công trình nước sinh hoạt và 01 công trình giao thông); nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới 108 công trình (bao gồm: 57 công trình giao thông, 25 công trình thủy lợi, 19 công trình nhà văn hóa và tường rào công ngõ nhà văn hóa, 04 công trình điện và 03 công trình trường học).

- Về phân cấp làm chủ đầu tư: Các địa phương đã phân cấp cho 66 xã (chiếm 88,8% số xã) thực hiện chương trình 135 làm chủ đầu tư 101 công trình (chiếm 90% số công trình). Giao Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện làm chủ đầu tư 11 công trình của 10 xã.

- Về tiến độ thực hiện: Các công trình trả nợ đã thực hiện xong việc trả nợ. Đối với các công trình xây dựng mới, đã có 47 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng; 61 công trình đang thi công đạt khối lượng khoảng 60%.

- Về kết quả giải ngân: Đến ngày 31/12/2014, các địa phương đã giải ngân được 44.245 triệu đồng, đạt 83,5% kế hoạch vốn giao. Dự kiến giải ngân đến 30/6/2015 đạt 100% kế hoạch vốn giao (theo văn bản số 16169/BTC-ĐT ngày 21/11/2013 của Bộ Tài chính thì nguồn vốn này được giải ngân đến ngày 30/6/2015).

##### *a2) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.*

- Về kế hoạch giao: vốn để thực hiện dự án này trong năm 2014 là 14.360 triệu đồng.

- Về phân cấp làm chủ đầu tư: Các địa phương phân cấp cho 100% số xã thực hiện Chương trình 135 làm chủ đầu tư dự án này.

- Về tiến độ thực hiện:

+ Đã thực hiện hỗ trợ trên 1,866 triệu cây giống các loại (như: keo lai, xà cừ, quế, bời lời, bưởi da xanh...) cho 2.314 hộ; hỗ trợ trên 5,5 tấn lúa giống, lạc giống cho 387 hộ thụ hưởng; hỗ trợ gần 500 con giống các loại (như: bò, lợn, dê ...) cho 541 hộ thụ hưởng; hỗ trợ gần 4.000 con gia cầm các loại cho 205.

+ Xây dựng 03 mô hình trồng trọt và chăn nuôi cho 15 hộ thụ hưởng; tổ chức 01 khóa tập huấn về kỹ thuật trồng trọt với 75 hộ tham gia; hỗ trợ 107

công cụ sản xuất các loại như cuốc, xẻng, máy cắt lúa... cho 124 hộ thụ hưởng.

- Về kết quả giải ngân: các địa phương đã giải ngân được 7.870 triệu đồng, đạt 54,8% kế hoạch vốn giao. Dự kiến đến 30/6/2015 sẽ giải ngân đạt 100% kế hoạch giao.

*a3) Duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng.*

- Về kế hoạch giao: vốn để thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng công trình CSHT trong năm 2014 của Chương trình 135 là 2.990 triệu đồng. Các địa phương đã phân khai để thực hiện duy tu bảo dưỡng 53 công trình CSHT các loại.

- Về phân cấp làm chủ đầu tư: 100% số công trình được duy tu bảo dưỡng trong kế hoạch 2014 được giao cho UBND cấp xã làm chủ đầu tư.

- Về tiến độ thực hiện: Đến nay có 50/53 công trình đã hoàn thành việc duy tu bảo dưỡng; 03 công trình đang thi công đạt khối lượng trên 70%.

- Về giải ngân: Đến nay giải ngân được 2.223 triệu đồng, đạt 74,3% kế hoạch vốn giao.

\* Ngoài ra, trong kế hoạch năm 2014, tỉnh được Trung ương bổ sung 17.270 triệu đồng để thực hiện Chương trình 135 và đã được UBND tỉnh giao cho các địa phương tại Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 31/12/2014. Hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện.

**b) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Ai Len cho các xã đặc biệt khó khăn**

- Kế hoạch vốn giao: Theo thông báo của Bộ Tài chính tại văn bản số 11278/BTC-NSNN ngày 12/8/2014, tổng kế hoạch vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Ai Len cho các xã ĐBKK và đã được UBND tỉnh phân khai cho các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Tây Trà và Trà Bồng để đầu tư xây dựng 07 công trình CSHT là 10.000 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Đến nay, có 06/07 công trình đã được khởi công xây dựng, trong đó có 03 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng; 03 công trình đang thi công đạt khoảng 50% khối lượng; 01/07 công trình chuẩn bị khởi công.

- Về giải ngân: đến nay các địa phương mới chỉ giải ngân được 1.965 triệu đồng, đạt 19,6% kế hoạch vốn giao.

**c) Chính sách theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg**

- Vốn đầu tư phát triển:

+ Trong năm 2014, tổng vốn của chương trình được bố trí là 15.000 triệu đồng, cho 04 Dự án xây dựng điểm định canh, định cư tập trung của 04 huyện (Ba Tơ 3.650 triệu đồng, Minh Long 3.570 triệu đồng, Sơn Hà 3.830 triệu đồng, Sơn Tây 3.950 triệu đồng). Các địa phương đã giao cho Ban Quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng huyện làm Chủ đầu tư các dự án này.

+ Tiến độ thực hiện: Các Chủ đầu tư đã hoàn thiện các thủ tục thực hiện; hiện nay 04 Dự án đang triển khai thực hiện và giải ngân được 10.718

triệu đồng đạt 71,45% so KH vốn giao cho 04 Dự án (ĐCĐC tập trung Nước Giap xã Ba Khâm, huyện Ba Tơ giải ngân 2.849 triệu đồng, ĐCĐC I Nam, thôn Tà Vinh, xã Sơn Màu, huyện Sơn Tây 3.950 triệu đồng, ĐCĐC tập trung thôn Hà Liệt, xã Long Hiệp, huyện Minh Long giải ngân 2.458 triệu đồng và ĐCĐC tập trung Mang Cành, xã Sơn Trung, huyện Sơn Hà giải ngân 1.461 triệu đồng).

- Vốn sự nghiệp:

+ Vốn của kế hoạch năm 2013 được chuyển tiếp sang năm 2014 là 7.911,3 triệu đồng, đã giải ngân được 650,430 triệu đồng.

+ Kế hoạch vốn Trung ương giao năm 2014 là 7.800 triệu đồng, UBND tỉnh đã phân bổ cho 08 dự án ĐCĐC tại các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây, Trà Bồng, Tây Trà.

#### **d) Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg**

Đề án thực hiện chính sách Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg của tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 với tổng nhu cầu vốn là 243.386 triệu đồng. Trong đó: ngân sách Trung ương là 153.278 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 28.012 triệu đồng và vốn vay ngân hàng CSXH là 62.097 triệu đồng.

Vốn được Trung ương bố trí cho tỉnh thực hiện Chính sách này trong năm 2014 là 6.000 triệu đồng; UBND tỉnh đã phân bổ cho 07 công trình nước sinh hoạt tập trung ở 6 huyện miền núi. Đến nay có 05/07 công trình đã hoàn thành, 02 công trình đang thi công đạt khối lượng trên 80% và đã giải ngân được 3.694,6 triệu đồng đạt 61,58% KH giao.

#### **đ) Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg**

- Kế hoạch vốn giao:

Tổng số người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong năm 2014 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 344 người và tổng kinh phí để thực hiện chính sách đã được UBND tỉnh giao cho các đơn vị và địa phương để thực hiện là 2.552 triệu đồng, trong đó Ban Dân tộc tỉnh thực hiện 811 triệu đồng và các huyện thực hiện là 1.641 triệu đồng.

- Tình hình thực hiện:

+ Ban Dân tộc tỉnh đã trực tiếp ký Hợp đồng với Báo Quảng Ngãi và Bưu điện tỉnh để cung cấp báo Quảng Ngãi và Báo Dân tộc và Phát triển cho 344 người có uy tín trong đồng bào DTTS năm 2014; tổ chức cho một số người có uy tín đi giao lưu, học tập kinh nghiệm tại huyện đảo Lý Sơn và các tỉnh phía Nam; tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2014 tại các huyện miền núi với nội dung về phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, chiến lược công tác dân tộc từ nay đến năm 2020 và các chính sách dân tộc do Ban Dân tộc theo dõi và tham mưu; tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho

người có uy tín tại Thành phố Quảng Ngãi và báo cáo 02 chuyên đề tình hình chung về quân sự - quốc phòng và một số nội dung cơ bản của các văn bản Pháp luật về quân sự quốc phòng và chuyên đề Phát huy vai trò người có uy tín trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự và công tác Phòng, chống tệ nghi kỵ “cầm đầu thuốc độc” ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ UBND các huyện: Đến nay các huyện đã phê duyệt Kế hoạch thực hiện và đã tổ chức triển khai thực hiện phổ biến thông tin, tuyên truyền; thăm hỏi động viên người có uy tín đau ốm, thăm tết cổ truyền dân tộc, thăm viếng bản thân người có uy tín qua đời và gia đình gặp khó khăn với tổng kinh phí đã giải ngân là 509,399 triệu đồng, đạt 30,9% so với dự toán được duyệt.

#### **e) Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg**

Năm 2014, UBND tỉnh giao cho các địa phương là 11.664 triệu đồng, trong đó: ngân sách huyện tự cân đối là 10.342 triệu đồng, ngân sách tỉnh bổ sung ngân sách huyện là 1.323 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: UBND các huyện tiến hành kiểm tra, rà soát lại danh sách hộ nghèo và lập Phương án tổ chức thực hiện. Tính đến nay chỉ có 13/14 huyện, thành phố đã phê duyệt Phương án tổ chức thực hiện với tổng kinh phí là 10.057,83 triệu đồng (riêng Thành phố Quảng Ngãi chưa phê duyệt phương án). Các huyện đã tổ chức triển khai thực hiện đến nay với tổng kinh phí là 7.164 triệu đồng đạt 71,24% so với Kế hoạch; đạt 69,2% kế hoạch vốn giao.

#### **f) Chính sách theo Quyết định số 2472/QĐ-TTg và Quyết định số 1977/QĐ-TTg**

Từ đầu năm đến nay đã cấp phát 522.786 tờ báo, tạp chí thuộc 23 loại báo, tạp chí được cấp theo Quyết định số 2472/QĐ-TTg và Quyết định số 1977/QĐ-TTg cho các đối tượng thuộc diện của chính sách này trên địa tỉnh.

## **2. Một số chính sách dân tộc do các Bộ, ngành quản lý, chỉ đạo**

#### **a) Chính sách hỗ trợ nhà ở cho người nghèo theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg**

Thực hiện Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, theo đó 6 huyện miền núi của tỉnh được phân bổ 6.684 nhà (trong đó: số nhà được phân bổ kinh phí là 6.527 nhà).

Do khó khăn về nguồn vốn huy động từ các Doanh nghiệp và nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội trong những năm qua nên trong năm 2014, các huyện tiếp tục hoàn thiện số nhà đang xây dựng dở dang của những năm trước chuyển sang, tổng số nhà xây dựng xong đến thời điểm báo cáo là 3.016/6.527 nhà, đang xây dựng dở dang 27 nhà, tập kết vật liệu chuẩn bị xây dựng 28 nhà, chưa triển khai 3.613 nhà. Đạt tỷ lệ 45,12% nhà, đã giải ngân 25.937,3 triệu đồng, đạt tỷ lệ 16,56%.

Hiện nay, UBND tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp với UBND 6 huyện nghèo rà soát và xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các đơn vị trong việc để xảy ra tình trạng nhà đã xây dựng hoàn thành nhưng chưa bố trí vốn để thực hiện.

### **b) Chính sách về xuất khẩu lao động**

Trong năm 2014, có 355 lao động đăng ký xuất khẩu lao động, 200 lao động đạt yêu cầu, 60 lao động đã xuất cảnh sang các thị trường (Malaysia 37 lao động và Hàn Quốc 23 lao động), đạt tỷ lệ 16,90% so với kế hoạch và hiện có 140 lao động đang chờ xuất cảnh.

Nhìn chung, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên công tác xuất khẩu lao động có sự chuyển biến tích cực hơn năm 2013 là nhờ vào việc đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền và tư vấn tại cấp cơ sở, thị trường Hàn Quốc mở cửa tiếp nhận trở lại lao động Việt Nam đã tạo điều kiện cho lao động các huyện nghèo tham gia thị trường này, ngày càng xuất hiện nhiều điển hình lao động đi làm việc ở nước ngoài đạt hiệu quả và các huyện có sự quan tâm hơn trong công tác chỉ đạo và lập kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn.

### **c) Các chính sách, dự án đặc thù theo Nghị quyết 30a**

#### *c1) Về hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân*

Trong năm 2014, Tổng kế hoạch vốn thực hiện chính sách này đã được UBND tỉnh phân khai cho các huyện là 48.227 triệu đồng. Đến nay các huyện đã thực hiện các nội dung như: Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông; thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hoá gia đình; hỗ trợ vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; nâng cao năng lực cán bộ cấp cơ sở; hỗ trợ xuất khẩu lao động và dạy nghề cho lao động nông thôn; hỗ trợ gạo cho hộ nghèo tham gia nhận khoán bảo vệ rừng; khoanh nuôi tái sinh rừng; hỗ trợ lần đầu giống cây trồng rừng sản xuất; hỗ trợ một lần mua giống, phân bón cho việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; hỗ trợ mua con giống; khai hoang, phục hóa; hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; hỗ trợ sinh viên cử tuyển; hỗ trợ 100% giống, vật tư cho xây dựng mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; hỗ trợ chương trình văn hóa; thực hiện phương án giao rừng, cho thuê rừng ...

#### *c2) Chính sách Giáo dục - Đào tạo, Dạy nghề, nâng cao dân trí*

Tổng kinh phí được bố trí để thực hiện chính sách này là 3.864,7 triệu đồng, UBND các huyện đã thực hiện chính sách kế hoạch hóa gia đình, dạy nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo, để tạo việc làm tại chỗ, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và đã giải ngân 2.053,3 triệu đồng, đạt tỷ lệ 53,13%.

#### *c3) Chính sách cán bộ đối với huyện nghèo*

Trong năm 2014 huyện Trà Bồng đã chủ động bố trí kinh phí 348,3 triệu đồng để hỗ trợ luân chuyển cán bộ về xã tăng cường năng lực tại các xã thuộc huyện nghèo. Kết quả trong năm 2014 đã tổ chức tập huấn và luân chuyển 03 cán bộ, kinh phí đã giải ngân 192,5 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 55,11%.

#### *c4) Chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng*

Nguồn vốn hỗ trợ huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ được Trung ương giao cho tỉnh là 164.830 triệu đồng, cụ thể được bố trí như sau:

- Trả nợ công trình hoàn thành từ những năm trước và đã quyết toán là 1.077,20 triệu đồng.

- Phân khai cho các công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2013 là 29.091,60 triệu đồng.

- Phân khai cho các công trình chuyển tiếp và hoàn thành trong năm 2014 là 88.967,00 triệu đồng.

- Phân khai chuyển tiếp cho các công trình dự kiến hoàn thành năm 2015 là 30.039 triệu đồng.

- Bố trí khởi công mới cho 11 công trình với tổng nguồn vốn là 18.655,2 triệu đồng.

Tổng số 87 công trình được đầu tư, đến nay có 21 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng, 42 công trình hoàn thành, 08 công trình đang thi công có khối lượng từ 70% trở lên, 16 công trình đang thi công chưa có khối lượng và có khối lượng hoàn thành dưới 70%.

#### *c5) Duy tu bảo dưỡng công trình*

Trung ương phân bổ cho tỉnh là 18.000 triệu đồng. UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn này cho mỗi huyện 3.000 triệu đồng để thực hiện: Duy tu bảo dưỡng 31 công trình giao thông kinh phí 8.230 triệu đồng, 20 công trình nước sinh hoạt kinh phí 3.300 triệu đồng, 11 công trình giáo dục kinh phí 1.450 triệu đồng, 13 công trình thủy lợi kinh phí 2.790 triệu đồng, 18 công trình dân dụng kinh phí 2.130 triệu đồng và 1 công trình y tế kinh phí 100 triệu đồng.

Đến nay, có 4 huyện (Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây và Tây Trà) đã giải ngân với tổng kinh phí 7.417,707 triệu đồng.

#### **d) Chính sách hỗ trợ đầu thấp sáng theo Quyết định số 289/QĐ-TTg.**

UBND tỉnh đã phân bổ kế hoạch vốn thực hiện chính sách này với tổng kinh phí là 845 triệu đồng. Các huyện đã rà soát đối tượng và đã cấp 608,70 triệu đồng cho 5.829 hộ thụ hưởng (Đức Phổ: 01 triệu đồng cho 9 hộ, Lý Sơn: 8 triệu đồng cho 69 hộ, Ba Tơ: 416 triệu đồng cho 3.490 hộ, Minh Long: 3,372 triệu đồng cho 31 hộ, Trà Bồng: 70,2 triệu đồng cho 585 hộ, Tây Trà: 61,25 triệu đồng cho 494 hộ).

#### **3. Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ - năm 2014.**

a) Kế hoạch vốn giao: 5.059,7064 triệu đồng để hỗ trợ mua hàng tết cho 46.948 hộ và 178.788 khẩu là người dân tộc thiểu số ở vùng miền núi của tỉnh.

b) Kết quả thực hiện: các địa phương đã cấp 17.872,2 kg bột ngọt, 103.254.8 lít nước mắm, 46.934 lít dầu ăn với tổng kinh phí đã thực hiện là: 5.088,99 triệu đồng.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong năm 2014 được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương. Kế hoạch vốn thực hiện các chính sách dân tộc được phân khai ngay từ đầu năm 2014, để các địa phương triển khai thực hiện và đã đạt một số kết quả nhất định như: chính sách hỗ trợ một số mặt hàng thiết yếu nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ - 2014. Tuy nhiên, vẫn còn một số chính sách dân tộc năm 2014 được triển khai chậm so với tiến độ. Nguyên nhân của việc chậm triển khai thực hiện là:

- Việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc ở các địa phương còn chậm, nhất là việc rà soát ở cấp xã như việc bình chọn người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số ở các địa phương đến giữa tháng 4/2014 mới hoàn thành.

- Việc chậm ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện các chính sách dân tộc đã ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch thực hiện của các địa phương như:

+ Danh mục hành chính thuộc vùng khó khăn chậm được điều chỉnh, làm chậm phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 102/QĐ-TTg (danh mục này vừa được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014).

+ Chậm ban hành hướng dẫn thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 theo Quyết định 551/QĐ-TTg nên các địa phương lúng túng trong việc triển khai thực hiện, nhất là việc quy định định mức hỗ trợ cho các hoạt động của dự án.

- Việc thông báo vốn thực hiện các chính sách dân tộc từ các Bộ ngành TW còn rất thấp so với định mức và nhu cầu vốn đã được các cấp phê duyệt nên đã gây nhiều khó khăn cho các địa phương trong việc thực hiện, cụ thể như: Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg, chính sách ĐCĐC cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg... vì vậy, các địa phương phải điều chỉnh lại kế hoạch cho phù hợp với nguồn vốn được giao.

### **IV. KIẾN NGHỊ**

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ công tác dân tộc trong thời gian đến, kính đề nghị UBND một số nội dung sau:

1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét kéo dài thời gian thực hiện một số chính sách dân tộc đến năm 2020 như: Chính sách ĐCĐC cho đồng bào DTTS theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg... vì hiện nay các chính sách này được bố trí vốn rất ít so với đề án đã được duyệt.

2. Phối hợp với Nhà tài trợ cho phép kéo dài thời gian thực hiện đối với dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK từ nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len cho Chương trình 135 đến 30/2/2015. Vì hiện nay thời tiết không thuận lợi cho việc thi công nên không thể thực hiện hoàn thành trước ngày 31/12/2014 như quy định tại Văn bản số 810/UBNDT-VP135 ngày 20/8/2014 của Ủy ban Dân tộc.

3. Phối hợp với các Bộ ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ cho phép 06 huyện nghèo của tỉnh Quảng Ngãi được áp dụng những cơ chế, chính sách đặc thù như ở Tây Nguyên theo Thông báo số 329/TB-VPCP ngày 15/8/2014 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của đồng chí Trần Đại Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên tại Hội nghị thực hiện chính sách đặc thù và củng cố chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên.

## **B. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2015**

### **I. Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2015**

1. **Mục tiêu:** Góp phần vào việc giảm nghèo bền vững tại các huyện miền núi của tỉnh, tạo điều kiện để 06 huyện nghèo của tỉnh nhanh chóng thoát khỏi tình trạng huyện nghèo.

### **2. Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình, dự án, chính sách dân tộc năm 2015**

Kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình, chính sách dân tộc của tỉnh Quảng Ngãi được thông báo như sau:

#### *a) Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg*

Kế hoạch vốn dự kiến trong năm 2015 là: 87.620 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển thực hiện dự án Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng là 64.600 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất là: 19.050 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp thực hiện DTBD công trình CSHT là 3.970 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ quản lý Chương trình là: 500 triệu đồng (nguồn vốn ngân sách tỉnh).

#### *b) Chính sách hỗ trợ di dân định canh, định cư theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg.*

Kế hoạch vốn thực hiện chính sách này trong năm 2015 là 10.000 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

#### *c) Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 755/QĐ-TTg.*

Kế hoạch vốn thực hiện chính sách này trong năm 2015 là 5.000 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

*d). Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg.*

Tổng nhu cầu vốn dự kiến thực hiện chính sách này trong năm 2015 là 11.500 triệu đồng.

*đ) Chính sách người có uy tín theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg và Quyết định số 56/QĐ-TTg.*

Tổng nhu cầu vốn thực hiện chính sách này trong năm 2015 là: 2.450 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 340 triệu đồng,
- Ngân sách tỉnh là 2.100 triệu đồng;

*e) Chính sách hỗ trợ tiền điện cho đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng chưa có điện lưới (theo Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg).*

Dự kiến tổng nhu cầu vốn thực hiện chính sách này trong năm 2015 là 800 triệu đồng.

*f) Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg.*

Tổng nhu cầu vốn thực hiện chính sách này trong năm 2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 là 20.7000 triệu đồng.

*g). Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi - 2015:*

Nhu cầu vốn thực hiện chính sách này trong năm 2015 là 6.000 triệu đồng (từ nguồn ngân sách tỉnh) để tiếp tục hỗ trợ một số mặt hàng thiết yếu như bột ngọt, nước mắm và dầu ăn cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi - 2015.

## **II. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2015**

### **1. Những nhiệm vụ chủ yếu**

Tiếp tục triển khai thực hiện đề án đầy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 được ban hành theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/12/2011 của UBND tỉnh, trong đó những nhiệm vụ chủ yếu thực hiện các chính sách giảm nghèo đối với đồng bào DTTS trong năm 2015 như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật của nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số, giúp đồng bào DTTS nâng cao nhận thức, phát triển sản xuất để vươn lên thoát nghèo.

- Theo dõi tình hình sản xuất, sinh hoạt của đồng bào DTTS trong tỉnh, kịp thời phối hợp với các ngành chức năng liên quan tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết những vấn đề ảnh hưởng đến đồng bào DTTS của tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát việc triển khai thực hiện các Chương trình, dự án, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

## **2. Giải pháp**

- Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện và cơ hội để đồng bào DTTS tích cực, chủ động tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện các Chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo nói chung và chính sách giảm nghèo đối với đồng bào DTTS nói riêng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện các Chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

- Duy trì thường xuyên mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan làm công tác dân tộc với các đơn vị có liên quan và UBND các cấp để tham mưu cho UBND các cấp trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện các chương trình này.

Trên đây là tổng kết công tác dân tộc năm 2014 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2015. UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

### **Nơi nhận:**

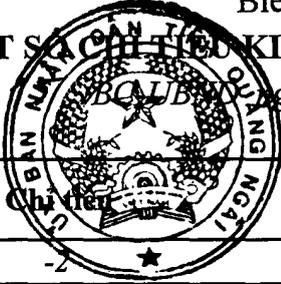
- Ủy ban Dân tộc;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Ban Dân tộc, HĐND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, P.TH,CBTH;
- Lưu: VT, ĐNMN đquviet 35

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



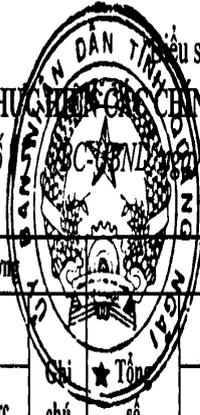
**Đinh Thị Loan**

Biểu số 01

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2014**(Kèm theo Báo cáo số  ngày 30/01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT		Đơn vị tính	KH	Thực hiện	Ghi chú
-1		-3	-4	-5	-6
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu kinh tế</b>				
1	Thu nhập BQ/người	tr. đồng		8,6	
2	Thu nhập BQ/người DTTS	tr. đồng			
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu cơ sở hạ tầng</b>				
1	Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã	xã	67,0	67,0	
	Tỷ lệ số xã có đường ô tô đến trung tâm xã	%	100,0	100,0	
2	Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại quanh năm (đã nhựa hoặc bê tông)	xã	67,0	60,0	
	Tỷ lệ số xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại quanh năm	%	100,0	89,5	
3	Số thôn có đường liên thôn	thôn	372,0	208,0	
	Tỷ lệ số thôn có đường liên thôn	%	70,0	55,9	
4	Số xã có điện lưới quốc gia	xã	67,0	67,0	
	Tỷ lệ số xã có điện lưới quốc gia	%	100,0	100,0	
5	Số thôn có điện lưới quốc gia	thôn	372,0	342,0	
	Tỷ lệ số thôn có điện lưới quốc gia	%	100,0	91,9	
6	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	100,0	91,8	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ DTTS sử dụng điện	%	100,0	89,7	
7	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100,0	81,5	
8	Tỷ lệ hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh	%		42,0	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh/Tổng số hộ	%		34,0	
9	Số xã hoàn thành chương trình 135	xã		-	
	Số thôn hoàn thành chương trình 135	thôn		-	
<b>III</b>	<b>Tiêu chí xã hội</b>				
1	Tỷ lệ lao động được đào tạo/Tổng số lao động	%	20,5	18,6	
	Trong đó: Tỷ lệ lao động là người DTTS được đào tạo/Tổng số lao động là người DTTS	%	15,3	13,4	
2	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia	%	33,9	33,9	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo DTTS	%	-	41,2	
3	Tỷ lệ hộ cận nghèo theo chuẩn quốc gia	%	15,5	16,0	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ cận nghèo DTTS	%			
4	Số hộ tái nghèo	hộ		357,0	
	Trong đó: Số hộ tái nghèo là DTTS	hộ		283,0	
5	Số hộ di cư tự do	hộ		-	
	Di cư đến	hộ		-	
	Di cư đi	hộ		-	
<b>IV</b>	<b>Chỉ tiêu về giáo dục</b>				
1	Số trường học bán trú	trường		9,0	
2	Số trường dân tộc nội trú	trường		7,0	

3	Số trường học đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh		trường		
	Trong đó	- Bậc mầm non	trường		
		- Bậc Tiểu học	trường		
		- Bậc Trung học cơ sở	trường		
		- Bậc Trung học phổ thông	trường		
4	Số trường đạt chuẩn quốc gia vùng DT & MN		trường		42,0
	Trong đó	- Bậc mầm non	trường		3,0
		- Bậc Tiểu học	trường		20,0
		- Bậc Trung học cơ sở	trường		16,0
		Trong đó trường Dân tộc nội trú	trường		-
		- Bậc Trung học phổ thông	trường		3,0
		Trong đó trường Dân tộc nội trú	trường		-
5	Tỷ lệ các cháu mầm non đến lớp		%		92,4
6	Tỷ lệ học sinh TH đến trường đúng độ tuổi		%		95,2
7	Tỷ lệ học sinh THCS đến trường đúng độ tuổi		%		89,2
8	Tỷ lệ học sinh THPT đến trường đúng độ tuổi		%		72,1
9	Số học sinh cao đẳng được cử tuyển		học sinh		15,0
10	Số học sinh đại học được cử tuyển		học sinh		18,0
<b>V</b>	<b>Chỉ tiêu về y tế</b>				
1	Số xã có trạm y tế		xã	67,0	67,0
2	Số xã đạt chuẩn y tế quốc gia		xã	10,0	6,0
3	Số trạm y tế có bác sỹ		trạm	67,0	64,0
4	Số thôn có cán bộ y tế thôn		thôn		285,0
5	Số thôn có cô đỡ thôn		thôn		
6	Tỷ lệ sinh đẻ tại nhà		%		
<b>VI</b>	<b>Chỉ tiêu về văn hóa</b>				
1	Số xã đạt chuẩn văn hóa		xã		
	Trong đó số xã vùng DT & MN đạt chuẩn		xã	24,0	24,0
2	Số xã có điểm bưu điện văn hóa xã		xã	67,0	56,0
3	Số xã có chợ liên xã		xã	-	6,0
4	Số xã có nhà văn hóa xã		xã	-	13,0
	Tỷ lệ xã có nhà văn hóa đạt chuẩn		%		2,9
5	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng		%		36,9
<b>VII</b>	<b>Chỉ tiêu về đạt mục tiêu chương trình NTM</b>				
1	Số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới		xã	1,0	-
2	Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới		%	-	-


 Điều số 02  
**TIẾN ĐỘ/KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC ĐẾN NGÀY 31/12/2014**  
 (Kèm theo Báo cáo số 30/01/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên chính sách và nội dung thành phần	Đơn vị tính	Khối lượng		KH vốn (triệu đồng)				Thực hiện (triệu đồng)					Giải ngân (% so KH vốn)	
			Trong đó		Trong đó				Tổng số	Trong đó					
			Kế hoạch	Thực hiện	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn CT khác	Vốn ĐP		Vốn ĐTPT	Vốn SN	Vốn CT khác	Vốn ĐP		
<b>1 Chương trình 135</b>															
	1 Dự án Đầu tư xây dựng CSHT	CT	112	112	53.000	53.000	-	-	-	38.160	38.160	-	-	-	46,11
	2 Dự án Hỗ trợ PTSX				-					-					
	- Số dự án	Dự án	101	101	14.360	-	14.360	-	-	7.878	7.878				54,80
	- Số lượng thụ hưởng	Hộ	8.071	5.146	-	-	-	-	-	-	-				
	3 Duy tu bảo dưỡng công trình CSHT	CT	53	53	2.990	-	2.990	-	-	2.855	2.855				74,30
	4 Dự án CSHT sử dụng vốn viện trợ của	CT	7	7	10.000	10.000				6.400	6.400				19,65
<b>2 Chính sách theo QĐ 33/2007/QĐ-TTg</b>															
	1 ĐCĐC tập trung				22.911,30	15.000,00	7.911,30			10.505,20	10.505,20	-	-		45,85
	- Vốn ĐTPT xây dựng CSHT thiết yếu	DA	4	4	15.000,00	15.000,00				10.505,20	10.505,20	-	-		70,03
	- Vốn SN hỗ trợ đời sống và PTSX	Hộ	385	0			7.911,30								-
	2 ĐCĐC xen ghép														
<b>3 Chính sách theo QĐ 755/QĐ-TTg</b>															
	1 Xây dựng công trình nước sinh hoạt tập	CT	7	7	6.000,00	6.000,00				3.694,60	3.694,60				61,58
	2 Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Hộ													
	3 Hỗ trợ đất sản xuất	Ha													
	4 Hỗ trợ đất ở	Ha													
	5 Hỗ trợ đào tạo nghề	Người													
	6 Hỗ trợ mua sắm máy móc nông cụ	Chiếc													
<b>4 Chính sách theo QĐ 102/2009/QĐ-TTg</b>															
	1 Số khẩu thụ hưởng	Khẩu	110.129	110.129	10.058,00		10.058,00			7.164,00		7.164,00			71,23
<b>5 Chính sách theo QĐ số 18/2011/QĐ-TTg</b>															
	1 Số người có uy tín trong DB DTTS	người	344	344	2.552,00		2.552,00			1.373,40		1.373,40			53,82
<b>6 Chính sách theo QĐ số 289/QĐ-TTg</b>															
	1 Số hộ thụ hưởng	Hộ	6.980	5.829	845,00		845,00			570,69		570,69			67,54